



HỒNG HÀ

TỔNG CÔNG TY SÔNG HỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐC: Phòng 206 - Cầu thang 3 - Đơn Nguyên 2 - Nhà CT1
KĐT Mỹ Đình - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội
ĐT: 04.2210 6523/24 * FAX 04.3787 5332
Mail: hh.auditing@gmail.com * Website: hhauditing.com.vn

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán	4
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo Tài chính của Công ty cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (giai đoạn từ 01/01/2010 đến 31/12/2010).

Công ty

Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600329294 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ. Đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 07 năm 2010.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh:

1. Sản xuất, kinh doanh : Sắt, thép các loại;
2. Mua bán kim loại;
3. Sản xuất, kinh doanh vận tải, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, đường bộ, đường thủy;
4. Tái chế phế liệu, phế thải kim loại ./.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc tại thời điểm lập báo cáo tài chính gồm có:

Thành viên Hội đồng quản trị

- Ông Lê Văn Chuyên : Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Đông Thành : Ủy viên HĐQT
Ông Phạm Việt Cường : Ủy viên HĐQT
Bà Đỗ Thị Lan : Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Ngọc Châu : Ủy viên HĐQT

Thành viên của Ban giám đốc:

- Ông Phạm Việt Cường : Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Ngọc Quyết : Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Châu : Phó Tổng giám đốc
Ông Cao Ngọc Ninh : Phó Tổng giám đốc
Ông Ngũ Thành Tú : Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Hồng Hà.

Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Phường Bạch Hạc, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phú Thọ, ngày 31 tháng 03 năm 2011



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Việt Cường



HỒNG HÀ

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, TƯ VẤN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, THUẾ, ĐỊNH GIÁ
Số: 22 /BCKT/TC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN HỒNG HÀ

ĐC: Phòng 206 - Cầu thang 3 - Đơn Nguyên 2 - Nhà CT1
KĐT Mỹ Đình - Mễ Trì - Từ Liêm - Hà Nội
ĐT: 04.2210 6523/24 * Fax: 04.3787 5332
Email: hh.auditing@gmail.com * Web: hhauditing.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

về Báo cáo Tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 05 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên:

- Chúng tôi không thể tham gia kiểm kê tiền mặt, tài sản, hàng tồn kho tại thời điểm ngày 31/12/2010. Với những tài liệu hiện có và giới hạn về thời gian, chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến nhận xét về tính đúng đắn về giá trị và tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho cũng như ảnh hưởng của chúng tới các số liệu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010;
- Đối với các khoản công nợ chưa đổi chiếu hoặc có chênh lệch giữa số liệu kế toán và đổi chiếu tại thời điểm 31/12/2010 thì số dư tính trung thực của các khoản công nợ phụ thuộc vào tính trung thực, khách quan trong việc trình bày số liệu trên báo cáo tài chính của Ban Giám đốc Công ty.
- Trong kỳ không có nghiệp vụ nào phát sinh làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phổi tại ngày 31/12/2010 ngoài khoản Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên tại thời điểm ngày 31/12/2010 khoản lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Bảng báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh chưa được phản ánh đầy đủ trên chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phổi (chênh lệch thừa so với chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phổi trên Bảng cân đối kế toán số tiền là : 95.895.825 đồng) và đơn vị chưa giải trình được nguyên nhân chênh lệch trên.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) của những lý do nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2011

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0948/KTV

Công ty TNHH Kiểm toán Hồng Hà

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đăng Khanh
Chứng chỉ KTV số: 1003/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/10	01/01/10
TÀI SẢN				
100	A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		576.389.594.458	346.800.653.403
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		29.079.125.117	9.953.936.991
111	1. Tiền	03	29.079.125.117	9.953.936.991
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	04	-	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III. Các khoản phải thu		114.608.194.125	119.753.393.632
131	1. Phải thu khách hàng		108.959.135.799	119.429.892.308
132	2. Trả trước cho người bán		5.806.150.553	214.810.930
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	05	30.726.685	108.690.394
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(187.818.912)	-
140	IV. Hàng tồn kho		382.526.064.604	199.022.651.838
141	1. Hàng tồn kho	06	382.526.064.604	199.022.651.838
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		50.176.210.612	18.070.670.942
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		15.404.983.900	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		34.566.290.610	17.705.091.330
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	07	-	73.353.620
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		204.936.102	292.225.992
200	B - TÀI SẢN DÀI HẠN		207.935.048.843	202.164.732.741
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
213	3. Phải thu nội bộ dài hạn	08	-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	09	-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/10	01/01/10
220	II. Tài sản cố định		196.597.379.336	195.995.807.970
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	193.024.626.918	195.919.532.070
222	- Nguyên giá		207.420.450.496	206.605.483.081
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(14.395.823.578)	(10.685.951.011)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	50.850.600	76.275.900
228	- Nguyên giá		76.275.900	76.275.900
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(25.425.300)	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	3.521.901.818	-
240	III. Bất động sản đầu tư	14	-	-
241	- Nguyên giá		-	-
242	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	15	-	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		11.337.669.507	6.168.924.771
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	11.337.669.507	6.168.924.771
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23	-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	Tổng cộng tài sản		<u>784.324.643.301</u>	<u>548.965.386.144</u>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/10	01/01/10
NGUỒN VỐN				
300	A - NỢ PHẢI TRẢ		738.803.573.452	462.245.284.955
310	I. Nợ ngắn hạn		687.458.720.694	415.650.509.955
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	17	446.724.725.112	196.303.939.601
312	2. Phải trả người bán		225.976.957.633	210.907.432.791
313	3. Người mua trả tiền trước		10.749.140.588	4.298.623.304
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.070.392.634	308.266.687
315	5. Phải trả người lao động		2.099.899.151	1.726.530.766
316	6. Chi phí phải trả	19	147.000.000	366.898.609
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	20	690.605.576	1.738.818.197
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-	-
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
330	II. Nợ dài hạn		51.344.852.758	46.594.775.000
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ	21	-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	22	51.292.797.663	46.594.775.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23	-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		52.055.095	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		45.521.069.849	86.720.101.189
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24	116.400.000.000	116.400.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(70.878.930.151)	(29.679.898.811)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	2. Nguồn kinh phí	25	-	-
433	3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	Tổng cộng nguồn vốn		784.324.643.301	548.965.386.144



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/10	01/01/10
1. Tài sản thuê ngoài		26	
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngũ Thành Tú



Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc

Phạm Việt Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.459.876.290.211	724.137.221.454
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	20.151.198.223	37.158.392.944
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	29	1.439.725.091.988	686.978.828.510
11	4. Giá vốn hàng bán	30	1.428.360.706.555	713.513.130.669
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.364.385.433	(26.534.302.159)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	31	853.539.703	292.360.802
22	7. Chi phí tài chính	32	43.407.994.374	8.108.580.872
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		40.205.509.521	7.093.955.440
24	8. Chi phí bán hàng		10.956.252.946	3.174.994.213
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		11.234.884.666	8.501.744.337
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.381.206.850)	(46.027.260.779)
31	11. Thu nhập khác		16.045.884.922	16.355.359.969
32	12. Chi phí khác		3.959.605.237	7.998.000
40	13. Lợi nhuận khác		12.086.279.685	16.347.361.969
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(41.294.927.165)	(29.679.898.810)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	34	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(41.294.927.165)	(29.679.898.810)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngũ Thành Tú



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.804.869.243.021	568.919.326.972
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.164.697.033.136)	(730.485.136.758)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(13.283.154.011)	(9.212.492.538)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(40.205.509.521)	(7.792.882.263)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		144.289.799.069	601.000.000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.729.398.141)	(5.324.455.454)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(284.756.052.719)	(183.294.640.041)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(816.781.818)	(4.832.332.370)
22	2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(816.781.818)	(4.832.332.370)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	21		
32	2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	21		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		357.333.022.663	326.952.286.401
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(52.635.000.000)	(130.271.304.800)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		304.698.022.663	196.680.981.601
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		19.125.188.126	8.554.009.190
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.953.936.991	1.399.927.801
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	36	29.079.125.117	9.953.936.991

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Ngũ Thành Tú



Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc

Phạm Việt Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010

1 - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

Công ty Cổ phần Thép Sông Hồng là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600329294 của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ. Đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 06 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 07 năm 2010.

Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

1. Sản xuất, kinh doanh : Sắt, thép các loại;
2. Mua bán kim loại;
3. Sản xuất, kinh doanh vận tải, dịch vụ bốc dỡ hàng hóa, đường bộ, đường thủy;
4. Tái chế phế liệu, phế thải kim loại /.

2 - CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY:

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc TGBQLNH) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

SƠ
C
RÁC
KI
H
L

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng ước tính và giá trị phải khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:	8 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị:	7 - 12 năm
- Phương tiện vận tải:	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng:	6 - 8 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền".
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước:

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập.
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo)
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp.
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn.
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Lỗ chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản.
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có số chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đó lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh chi giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (2) điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ % giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng (hoặc theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành/hoặc theo phương pháp tỷ lệ % giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được Công ty áp dụng cho một số khoản vay, công nợ phải trả theo hình thức ký hợp đồng "hoán đổi lãi suất" với ngân hàng, hoặc hợp đồng "mua bán ngoại tệ có kỳ hạn".

3 - TIỀN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tiền mặt	929.217.976	301.709.864
- Tiền gửi ngân hàng	28.149.907.141	9.652.227.127
<i>Tiền gửi VND</i>	28.149.907.141	9.652.227.127
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Phú Thọ	25.360.281	352.004.902
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Đống Đa	1.147.538.570	1.638.935.360
Ngân hàng HD BANK Trung Hoà - Hà Nội	1.044.185.698	498.391.878
Ngân hàng TMCP Quốc tế	24.094.878.348	6.220.740.462
Ngân hàng SHB - CN Hà Nội	1.837.944.244	300.178.319
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	-	-
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	29.079.125.117	9.953.936.991

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND		
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết)	-	-	-	-
- Trái phiếu đầu tư ngắn hạn (chi tiết)	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	-	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-

5 - CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động	-	-
- Phải thu khác	30.726.685	108.690.394
Cộng	30.726.685	108.690.394

6 - HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	25.638.341.125	17.583.879.704
- Công cụ, dụng cụ	8.040.884.231	350.263.147
- Chi phí, sản xuất kinh doanh dở dang	5.775.675.550	6.307.550.578
- Thành phẩm	286.691.704.554	174.129.605.681
- Hàng hoá	56.379.459.144	135.525.074
- Hàng gửi đi bán	-	515.827.654
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Phường Bạch Hạc , TP Việt Trì , Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

- Hàng hoá bất động sản

Cộng giá gốc hàng tồn kho

382.526.064.604199.022.651.838

7 - THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- ...	-	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	73.353.620
Cộng	<u>-</u>	<u>73.353.620</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8 - PHẢI THU DÀI HẠN NỘI BỘ

Cộng

31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
-	-

9 - PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

- Ký quỹ, ký cược dài hạn
- Cho vay không có lãi
- ...
- Phải thu dài hạn khác

Cộng

31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
-	-

10 - TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ	43.405.199.107	160.363.170.534	2.530.986.109	306.127.331	-	206.605.483.081
2. Số tăng trong kỳ	142.947.502	38.181.818	740.000.000	38.600.000	-	959.729.320
- Mua trong kỳ		38.181.818	740.000.000	38.600.000		816.781.818
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác	142.947.502					142.947.502
3. Số giảm trong kỳ	-	144.761.905	-	-	-	144.761.905
- Chuyển sang BDS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác		144.761.905				144.761.905
4. Số dư cuối kỳ	43.548.146.609	160.256.590.447	3.270.986.109	344.727.331	-	207.420.450.496
Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu kỳ	2.598.148.106	7.199.158.884	839.157.936	49.486.085	-	10.685.951.011
2. Số tăng trong kỳ	2.101.069.751	1.222.404.582	408.264.744	99.783.945	-	3.831.523.022
- Khấu hao trong kỳ	2.101.069.751	1.222.404.582	408.264.744	99.783.945		-
- Tăng khác						-
3. Giảm trong kỳ	67.502.987	50.221.884	3.925.584	-	-	121.650.455
- Chuyển sang BDS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán						-
- Giảm khác	67.502.987	50.221.884	3.925.584			121.650.455
4. Số dư cuối kỳ	4.631.714.870	8.371.341.582	1.243.497.096	149.270.030	-	14.395.823.578
Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	40.807.051.001	153.164.011.650	1.691.828.173	256.641.246	-	195.919.532.070
2. Tại ngày cuối kỳ	38.916.431.739	151.885.248.865	2.027.489.013	195.457.301	-	193.024.626.918

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Phường Bạch Hạc, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

11 - TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH:

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ						
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thuê tài chính trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác (Do sáp nhập)						
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang TSCĐHH để bán						
- Giảm khác (Điều chuyển lên Cty)						
4. Số dư cuối năm						
Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu kỳ						
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Khäu hao trong kỳ						
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính						
- Giảm khác (TL TSCĐ thuê TC)						
4. Số dư cuối kỳ						
Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Phường Bạch Hạc, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

12 - TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH:

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
1. Số dư đầu kỳ				76.275.900		76.275.900
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	76.275.900	-	76.275.900
Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu kỳ				25.425.300		25.425.300
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	25.425.300		25.425.300
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	25.425.300		25.425.300
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	25.425.300	-	25.425.300
Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	76.275.900	-	76.275.900
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	50.850.600	-	50.850.600

– 13 - CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỎ DANG:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	3.363.132.294	-
- Mua sắm TSCĐ	-	-
- Sửa chữa lớn TSCĐ	158.769.524	-
Cộng	3.521.901.818	-

14 - TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ:

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Nguyên giá				
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Giá trị còn lại				

15 - ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC:

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND

16 - CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài chính		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn		
- Giá trị lợi thế thương mại		
- Chi phí trả trước dài hạn khác	11.337.669.507	6.168.924.771
+ Chi phí đầu tư chờ phân bổ	9.679.983.429	6.090.743.249
+ Công cụ, dụng cụ sử dụng nhiều lần	440.830.000	78.181.522
Cộng	11.337.669.507	6.168.924.771

17 - VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Vay ngắn hạn	446.724.725.112	196.303.939.601
Ngân hàng HD Bank	47.800.000.000	
Ngân hàng SEA BANK	100.000.000.000	
Ngân hàng VIB	99.829.021.512	
Ngân hàng SHB	199.095.703.600	
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	446.724.725.112	196.303.939.601

Chi tiết số dư tiền vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2010

Số hợp đồng, khế ước	Ngày hợp đồng	Lãi suất	Mục đích vay	Số dư nợ vay
Ngân hàng HD Bank				
HĐTD số: 033/2010/05	08/09/10	15%	Thanh toán tiền mua hàng	20.000.000.000
HĐTD số: 033/2010/06	15/10/10	15%	Thanh toán tiền mua hàng	11.200.000.000
KUNN số: 033/2010/07	12/11/10	18%	Thanh toán tiền mua hàng	16.600.000.000
Tổng cộng				47.800.000.000
Ngân hàng SEA BANK				
HĐTD số: 0121000164/05	17/08/10	14%	Bổ xung vốn lưu động	20.000.000.000
HĐTD số: 0121000164/06	17/08/10	14%	Bổ xung vốn lưu động	9.000.000.000
HĐTD số: 0121000164/07	23/11/10	14%	Bổ xung vốn lưu động	33.700.000.000
HĐTD số: 0121000164/08	25/11/10	14%	Bổ xung vốn lưu động	11.500.000.000
HĐTD số: 0121000164/09	30/11/10	14%	Bổ xung vốn lưu động	18.800.000.000
HĐTD số: 0121000164/10	23/12/10	14%	Bổ xung vốn lưu động	7.000.000.000
Tổng cộng				100.000.000.000
Ngân hàng VIB				
0028.39/KUNN-VIB 33/09	03/09/10	15,5%	Thanh toán tiền mua phôi thép	3.329.021.512
0028.40/KUNN-VIB 33/09	14/12/10	15,5%	Thanh toán tiền mua phôi thép	10.000.000.000
0028.41/KUNN-VIB 33/09	15/12/10	15,5%	Thanh toán tiền mua phôi thép	5.000.000.000
0028.42/KUNN-VIB 33/09	17/12/10	15,5%	Thanh toán tiền mua phôi thép	6.000.000.000
0028.43/KUNN-VIB 33/09	27/12/10	15,5%	Thanh toán tiền mua phôi thép	10.000.000.000
0035.01/KUNN-VIB 33/10	30/12/10	19,0%	Thanh toán tiền mua phôi thép	8.000.000.000
0035.02/KUNN-VIB 33/10	31/12/10	19,0%	Thanh toán tiền mua phôi thép	5.000.000.000
0035.03/KUNN-VIB 33/10	06/01/11	19,0%	Thanh toán tiền mua phôi thép	3.500.000.000
0035.04/KUNN-VIB 33/10	07/01/11	18,5%	Thanh toán tiền mua phôi thép	22.000.000.000
0035.05/KUNN-VIB 33/10	10/01/11	18,5%	Thanh toán tiền mua phôi thép	10.000.000.000
0035.06/KUNN-VIB 33/10	31/12/10	18,5%	Thanh toán tiền mua phôi thép	17.000.000.000
Tổng cộng				99.829.021.512
Ngân hàng SHB				
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU19	08/09/10	15,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	10.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU20	13/09/10	15,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	16.295.703.600
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU21	23/09/10	15,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	26.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU22	24/09/10	15,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	10.900.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU23	13/10/10	15,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	15.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU24	25/10/10	15,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	10.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU25	02/11/10	15,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	10.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU26	05/11/10	15,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	8.900.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU27	08/11/10	16,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	10.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU28	09/11/10	16,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	20.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU29	12/11/10	18,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	21.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU30	23/11/10	18,5%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	10.000.000.000
KUNN số: 09L1512/SHB-HN/KU31	25/11/10	18,0%	Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế	10.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP SÔNG HỒNG

Địa chỉ: Phường Bạch Hạc, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

KUNN số: 09L1512/SHB

HN/KU32

01/12/10

18,0%

Thanh toán tiền theo hợp đồng kinh tế

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

21.000.000.000

199.095.703.600

Tổng cộng

18 - THUẾ VÀ KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	34.358.978
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	12.708.925	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	979.720.000	195.944.000
- Các loại thuế khác	77.963.709	77.963.709
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	1.070.392.634	308.266.687

19 - CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	147.000.000	366.898.609
- Chi phí phải trả khác	27.000.000	-
+ Trích trước chi phí thuê kho	120.000.000	-
+ Trích trước chi phí thuê văn phòng	147.000.000	366.898.609
Cộng	147.000.000	366.898.609

20 - CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tài sản thừa chờ xử lý	16.863.567	16.080.530
- Kinh phí công đoàn	86.730.450	177.090.836
- Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	128.624.865	224.651.223
- Bảo hiểm y tế	72.069.747	55.097.249
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.960.153	-
- Doanh thu chưa thực hiện	113.981.301	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	262.375.493	1.182.639.825
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	83.258.534
Cộng	690.605.576	1.738.818.197

– 21 - PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Vay dài hạn nội bộ		
- Phải trả dài hạn nội bộ khác		
Cộng	-	-

22 - VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Vay dài hạn		
Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP SeaBank (*)	925.064.663	377.042.000
Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) (**)	4.150.000.000	4.150.000.000
Nợ dài hạn		
Nợ dài hạn Công ty Đầu tư và phát triển Nhà và Đô thị (HUD)	46.217.733.000	46.217.733.000
Cộng	51.292.797.663	46.594.775.000

(*) Vay dài hạn mua thiết bị tại NH TMCP SeaBank - Chi nhánh Đồng Đa

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Số dư nợ vay</u>
Số: 012.09.00031 ngày 09/04/2019	10,5%	24 tháng	Thanh toán tiền mua thiết bị nhập khẩu	94.260.500
Số: 012.10.00015 ngày 20/01/2010	12,0%	48 tháng	Thanh toán tiền mua thiết bị nhập khẩu	411.547.913
Số: 012.10.00017 ngày 20/01/2010	12,0%	48 tháng	Thanh toán tiền mua thiết bị nhập khẩu	419.256.250
Tổng cộng				925.064.663

(**) Vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)

<u>Hợp đồng vay</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Thời hạn vay</u>	<u>Mục đích vay</u>	<u>Số dư nợ vay</u>
Số: 0002.01/KUNN-VIB 33/10 ngày 21/06/2010	15%	48 tháng	Đầu tư xây dựng văn phòng và các công trình phụ trợ SX	800.000.000
Số: 0002.02/KUNN-VIB 33/10 ngày 13/08/2010	15%	48 tháng	Đầu tư xây dựng văn phòng và các công trình phụ trợ SX	1.350.000.000
Số: 0002.03/KUNN-VIB 33/10 ngày 17/11/2010	15%	48 tháng	Đầu tư xây dựng văn phòng và các công trình phụ trợ SX	2.000.000.000
Tổng cộng				4.150.000.000

23 - TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-

24 - VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn góp cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Chênh lệch ĐG lại T sản	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	116.400.000.000	-	-	-	-	-	-	-	116.400.000.000
- Tăng vốn trong kỳ trước									-
- Lãi trong kỳ trước									-
- Tăng khác									-
- Giảm vốn trong kỳ trước									-
- Lỗ trong kỳ trước							29.679.898.810		29.679.898.810
- Giảm khác									-
Số dư cuối kỳ trước	116.400.000.000	-	-	-	-	-	(29.679.898.810)	-	86.720.101.190
- Tăng vốn trong kỳ này									-
- Lãi trong kỳ này							(41.294.927.165)		(41.294.927.165)
- Tăng khác									-
- Giảm vốn trong kỳ này									-
- Lỗ trong kỳ này									-
- Giảm khác									-
Số dư cuối kỳ nay	116.400.000.000	-	-	-	-	-	(70.974.825.975)	-	45.425.174.025

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2010		Vốn đã góp tại ngày 31/12/2009	
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Tổng Công ty Sông Hồng	102.000.000.000	88%	102.000.000.000	88%
- Vốn góp của các đối tượng khác	14.400.000.000	12%	14.400.000.000	12%
Cộng	116.400.000.000	100%	116.400.000.000	100%

25 - NGUỒN KINH PHÍ

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u> </u>	<u> </u>

26 - TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
--	-------------------	-------------------

Giá trị tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động TSCĐ không huỷ ngang theo các thời hạn

27 - TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.459.876.290.211	724.137.221.454
Doanh thu hợp đồng xây dựng	<u> </u>	<u> </u>
Cộng	1.459.876.290.211	724.137.221.454

28 - CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chiết khấu thương mại	16.968.221.700	-
Giảm giá hàng bán	3.124.976.523	-
Hàng bán bị trả lại	58.000.000	37.158.392.944
Thuế GTGT phải nộp (PP trực tiếp)	<u> </u>	<u> </u>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	<u> </u>	<u> </u>
Thuế xuất khẩu	<u> </u>	<u> </u>
Cộng	20.151.198.223	37.158.392.944

29 - DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	1.439.725.091.988	686.978.828.510
Cộng	1.439.725.091.988	686.978.828.510

30 - GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Cộng	1.428.360.706.555	713.513.130.669

31 - DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	853.539.703	292.360.802
Cộng	853.539.703	292.360.802

32 - CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Lãi tiền vay	40.205.509.521	7.093.955.440
Chi phí tài chính khác	3.202.484.853	1.014.625.432
Cộng	43.407.994.374	8.108.580.872

33 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Cộng	-	-

34 - CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Cộng	-	-

35 - CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.481.622.782.128	
Chi phí nhân công	8.856.315.824	
Chi phí sản xuất chung		
+ Chi phí vật liệu, dụng cụ sản xuất	11.696.269.572	
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	3.252.000.582	
+ Chi phí chuyên gia	230.176.894	
+ Chi phí băng tiền khác	13.120.980.451	
Cộng	1.518.778.525.451	-

36 - CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

37 - NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

a. Thông tin về các bên liên quan

b. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Năm 2010
VNDNăm 2009
VND**1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn**

1.1- Bố trí cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	25,57%	36,83%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	74,43%	63,17%

1.2- Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)

- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	94,40%	84,20%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	5,60%	15,80%

2. Khả năng thanh toán

2.1- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,06	1,19
2.2- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	0,84	0,83
2.3- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,04	0,02

3. Tỷ suất sinh lời

3.1- Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	-2,87%	-4,32%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-2,87%	-4,32%

3.2- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	-5,08%	-5,41%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-5,08%	-5,41%

3.3- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn đầu tư của chủ sở hữu

-35,48% -25,50%

c. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán TKF Việt Nam được điều chỉnh theo biên bản kiểm toán Nhà nước.

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Ngũ Thành Tú



Phạm Việt Cường